

Bản án số: 14/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 21/6/2019.

*“Về việc ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thiện Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Tuế.

2. Ông Trần Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ma Thị Th, sinh năm: 1989.

Nơi ĐKKHKT: Thôn BL 1, xã BT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Thôn QL, xã PĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. *Bị đơn:* Anh Ma Tuấn T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Thôn BL 1, xã BT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Th trình bày:

Chị và anh T kết hôn với nhau vào ngày 16/7/2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà chồng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân anh T hay chơi bởi đêm hôm, không quan tâm đến vợ con, chỉ góp ý nhưng anh T không nghe. Đến cuối năm 2013 chị phát hiện anh T sử dụng ma túy, chị cùng gia đình khuyên bảo nhiều lần, chị cho anh T nhiều cơ hội sửa chữa sai lầm nhưng anh T vẫn không nghe, không thay đổi mà ngày một sử dụng nhiều hơn. Từ đầu năm 2014 chị đi làm và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh T đi cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Kạn kể từ ngày 01/3/2019 đến hết ngày 30/4/2019. Trong thời gian anh T đi cai nghiện chị không đến thăm anh T lần nào. Ngày 01/4/2019 anh T trở về gia đình, địa phương. Hiện nay anh T đã đi cai nghiện ma túy xong nhưng anh T không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, đã gây khó khăn cho chị còn thực tế cũng không còn tình cảm gì với chị, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể ở cùng nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Ma Thị Yến Nh, sinh ngày 24/10/2011, hiện nay cháu Nh đang ở với chị và học lớp 2 trường Tiểu học xã PD. Ly hôn chị xin tiếp tục được nuôi con và không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, thu nhập của chị hiện nay được khoảng từ 6.000.000đ – 7.000.000đ/ 01 tháng đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình ủy thác thu thập tài liệu, chứng cứ anh T trình bày:

Anh T xác định lời trình bày của chị Th về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, về những mâu thuẫn của vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân, về con chung như chị Th trình bày là đúng anh không bổ sung gì thêm. Theo anh T vợ chồng có nhiều mâu thuẫn từ năm 2013 do anh sử dụng ma túy và không thể cai nghiện được nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, xô sát, xúc phạm nhau. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ đầu năm 2014, nay chị Th cương quyết xin ly hôn anh T đồng ý nhưng không đến Tòa án để giải quyết. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có một con chung là Ma Thị Yến Nh, sinh ngày 24/10/2011, như chị Th trình bày là đúng anh không có gì bổ sung thêm. Hiện nay cháu đang ở với chị Th và học lớp 2 trường Tiểu học xã PD. Ly hôn chị Th xin nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con anh đồng ý để chị Th và không có ý kiến gì thêm.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung của vợ chồng: Anh T xác định không có, chị Th trình bày là đúng, anh không bổ sung gì thêm không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Anh T xác định chị Th không có công sức gì.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ xác định: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn chấp hành không đúng quy định của pháp luật, đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Th được ly hôn anh T. Về con chung: Giao cháu Ma Thị Yến Nh, sinh ngày 24/10/2011 cho chị Th trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T do chị Th không yêu cầu. Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Không có, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật, tiến hành hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng không tiến hành hòa giải được do anh T vắng mặt. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

- Về tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con mà bị đơn cư trú tại thôn BL 1, xã BT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp, đúng quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự, xác minh. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm

nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị Th và anh Ma Tuấn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

- Về yêu cầu xin ly hôn của chị Th nhận thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian hạnh phúc, tuy nhiên trong ăn ở sinh hoạt hàng ngày giữa chị Th và anh T luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cách ăn ở, sinh hoạt, anh T sử dụng ma túy phải đi cai nghiện chị góp ý nhưng anh T không nghe, anh T lại hay ghen tuông với chị Th, vì vậy giữa hai vợ chồng luôn say ra cãi vã, xúc phạm nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay, ngày tết, ngày lễ chị Th cũng không về ở nhà. Giữa hai vợ chồng đã không tìm được tiếng nói chung, ai cũng đi tìm cuộc sống riêng cho mình. Trong quá trình giải quyết khi anh T còn ở nhà chưa đi cai nghiện Tòa án báo gọi đến làm việc nhưng anh T không đến, khi anh T đi cai nghiện ma túy Tòa án đã ra Quyết định thâu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật, anh T nhất trí ly hôn với chị Th. Sau khi hết thời gian cai nghiện anh T về gia đình Tòa án tiếp tục thông báo hòa giải nhưng anh T vẫn không đến, không có lý do. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị Th là có căn cứ, đúng thực tế cần được chấp nhận.

- Về yêu cầu xin nuôi con chung của chị Th xét thấy: Chị Th và anh T có một con chung là Ma Thị Yến Nh, sinh ngày 24/10/2011, hiện nay cháu Nh đang ở với Th và được chăm sóc, học tập tốt. Chị Th có nơi ở, có việc làm, có thu nhập ổn định. Việc giao cháu Nh cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc phù hợp với nguyện vọng của chị Th, của cháu Nh và anh T, giữ được sự ổn định về nơi ăn ở, học tập, đảm bảo quyền, lợi ích mọi mặt của cháu Nh. Vì vậy nguyện vọng xin được nuôi con của chị Th là phù hợp với thực tế, cần được chấp nhận.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Th tự nguyện không yêu cầu và được anh T đồng ý. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng của chị Th: Chị Ma Thị Th và anh Ma Tuấn T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị Th được ly hôn anh Ma Tuấn T.
2. Về con chung: Giao cho chị Ma Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Ma Thị Yến Nh, sinh ngày 24/10/2011 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tam hoãn nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Ma Tuấn T do chị Ma Thị Th tự nguyện không yêu cầu và được anh Ma Tuấn T đồng ý

3. Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Th và anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Ma Thị Th phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008757 ngày 10/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã PĐ;
- Các đương sự;
- lưu Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thiện Hoàng